

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 429/2024/DS-ST

Ngày: 15-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nội Thị Hào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 157/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024; tuyên án vào ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T1.

Địa chỉ: 1 L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: 1 L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan M, sinh năm 1958

Địa chỉ: G T, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986

Địa chỉ: B, ấp E, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: ông Nguyễn Xuân P-luật sư thuộc văn phòng luật sư Nguyễn P (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Thiệu T, sinh năm 1981

Địa chỉ: A đường số F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 H có người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Đức Q trình bày: Ngày 12/7/2020, Công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là công ty) có ký hợp đồng thi công với bà Nguyễn Thị L. Theo đó, công ty sẽ tổ chức thi công và sửa chữa nhà phố tư nhân tại địa chỉ 30, ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng hai bên đã ký là 751.720.000 (bảy trăm năm mươi một triệu bảy trăm hai mươi ngàn) đồng, bà L đã thanh toán cho công ty số tiền là 161.150.000 (một trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng và có một số hạn mục không tiếp tục thi công. Sau khi thi công xong và nghiệm thu, ngày 23/8/2020, giữa công ty và bà L có ký quyết toán xác nhận bà L còn phải thanh toán cho công ty số tiền là 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Cho đến nay, công ty nhiều lần liên hệ bà L thanh toán số tiền trên nhưng bà L không hợp tác.

Vì vậy, công ty khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán cho công ty số tiền 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì lời trình bày của bị đơn là bà Nguyễn Thị L như sau:

Bà L thừa nhận ngày 12/7/2020 bà L có ký hợp đồng thi công với Công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là công ty). Theo đó, công ty sẽ tổ chức thi công và sửa chữa nhà phố tư nhân tại địa chỉ 30, ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng hai bên đã ký là 751.720.000 (bảy trăm năm mươi một triệu bảy trăm hai mươi ngàn) đồng, bà L đã thanh toán cho công ty số tiền là 161.150.000 (một trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng. Nhưng sau khi thi công được một phần thì bà L có yêu cầu công ty ngừng thi công vì bà L không còn tiền để thanh toán. Lúc đó, bạn của bà L là ông Ngô Thiệu T có thỏa thuận với bà L là sẽ thanh toán tiền thi công cho bà L. Giữa bà L và ông T có ký biên bản làm việc ngày 01/9/2020 (có ông Vũ Đức Q là người đại diện theo pháp luật của công ty làm chứng) và biên bản làm việc lần 2 ngày 02/9/2020 giữa ông T và bà L. Vì vậy, bà L không biết việc bà L nợ tiền công ty. Nay công ty yêu cầu bà L trả số tiền 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng thì bà L không đồng ý. Ông T là người có trách nhiệm trả số tiền trên cho công ty. Ngoài ra, bà L không ý kiến yêu cầu gì khác.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Thiệu T như sau:

Vào khoảng năm 2020, ông T có quen biết bà Nguyễn Thị L. Bà L có nhờ ông T tìm công ty T1 căn nhà của bà L tại địa chỉ C, ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T có giới thiệu công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là công ty). Bà L và công ty đã ký hợp đồng thi công căn nhà trên. Trong quá trình thi công thì ông T cũng có phụ bà L trả cho công ty số tiền là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng. Sau khi thi công xong, bà L có nhờ ông T thanh toán số tiền bà L còn nợ công ty là 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng. Do lúc đó, ông T và bà L còn mối quan hệ quen biết nên ông T có xác nhận nợ và cam kết thanh toán số tiền trên cho bà L với thỏa thuận là bà L sẽ trả lại cho ông T ngay sau khi có khả năng tài chính. Nhưng sau đó mối quan hệ giữa ông T và bà L kết thúc nên ông T không thực hiện thỏa thuận trên. Bà L phải tự có trách nhiệm thanh toán chi phí xây dựng căn nhà của bà L. Ông T không đồng ý trả số tiền trên cho bà L.

Tại phiên tòa:

Công ty TNHH T1 có người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Đức Q vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số tiền còn nợ theo quyết toán ngày 23/8/2020 là 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng. Ông Q cũng xác định chỉ yêu cầu lãi suất từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong bản án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Xuân P trình bày người có trách nhiệm trả số tiền 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng cho Công ty TNHH T1 H là ông Ngô Thiệu T là vì đã có sự chuyển giao nghĩa vụ từ bà L sang ông T. Ông Q là người đại diện theo pháp luật của công ty đã biết nhưng không có sự phản đối. Công ty khởi kiện bà L là không đúng; đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của công ty.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của Công ty TNHH T1 H vì người có trách nhiệm trả số tiền trên là ông Ngô Thiệu T.

Đại diện Viện kiểm sát huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định sau: về thẩm quyền thụ lý vụ án; về xác định tư cách tố tụng; về thu thập

chứng cứ; thủ tục hòa giải; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Kiểm sát viên và cho đương sự. Thẩm phán vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHH T1 và bà Nguyễn Thị L là tranh chấp “Hợp đồng thi công”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn hiện đang cư trú tại 20B1, ấp E, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Công ty TNHH T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng từ việc thi công căn nhà tại địa chỉ C, ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào hợp đồng thi công ngày 12 tháng 7 năm 2020 giữa Công ty TNHH T1 và bà Nguyễn Thị L thể hiện giữa Công ty TNHH T1 và Nguyễn Thị L có thoả thuận thi công căn nhà tại địa chỉ C, ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, giá trị hợp đồng thi công là 751.720.000 (bảy trăm năm mươi một triệu bảy trăm hai mươi ngàn) đồng. Trong suốt quá trình thi công, phía bà L đã thanh toán cho công ty số tiền 161.150.000 (một trăm sáu mươi một triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng và có một số hạn mục không tiếp tục thi công. Bà L cũng thừa nhận việc này.

Sau khi thi công xong, đến ngày 23/8/2020 thì giữa công ty và bà L đã ký quyết toán. Theo đó, bà L còn phải trả cho công ty số tiền 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng. Bà L cũng đã ký xác nhận và không có ý kiến gì khác.

Như vậy, bà **L** còn nợ công ty số tiền là 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng

[2] Trong biên bản làm việc ngày 01/9/2020, ông **Q** có ký với tư cách là người làm chứng với tư cách cá nhân.

[3] Trong biên bản làm việc lần 2 ngày 02/9/2020 thì đây là thỏa thuận riêng giữa ông **T** và bà **L** về việc ông **T** sẽ trả số tiền 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng cho bà **L**.

[4] Đối với bản cam kết ngày 13/8/2020, bà **L** không cung cấp được bản chính, nhưng tại phiên tòa ông **Q** thừa nhận bản cam kết trên. Tuy nhiên, nội dung của bản cam kết này cũng là sự thỏa thuận của cá nhân ông **Q** với ông **T** chứ không phải với tư cách của công ty TNHH T1, và trong bản cam kết này cũng không có thể hiện là công ty TNHH T1 cho ông **T** trả số tiền trên cho bà **L**.

[5] Điều 370 bộ luật dân sự 2015 quy định: Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý. Trong vụ án này, không có sự đồng ý của Công ty TNHH T1 về việc chuyển giao nghĩa vụ từ bà **L** sang ông **T**. Như vậy, bà **L** là người có nghĩa vụ thanh toán số tiền thi công cho công ty.

[6] Đối với thỏa thuận giữa bà **L** và ông **T**, trong vụ án này bà **L** không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Trong hợp đồng thi công, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa, ông **Q** cũng xác định chỉ yêu cầu lãi suất từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà **L** phải thanh toán cho công ty TNHH T1 Hòa là 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng. Thanh toán 01 lần ngay sau bản án có hiệu lực pháp luật

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ T2 - Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án dân sự;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH T1.

Xử:

Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T1 Hòa số tiền nợ từ hợp đồng thi công ngày 12/7/2020 là 486.670.000 (bốn trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH T1 H cho đến khi thi hành án xong nếu bà Nguyễn Thị L chưa thi hành thì hàng tháng bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí DSST: 23.466.800 (hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm) đồng, bà Nguyễn Thị L chịu. Thi hành tại chi cục thi hành án có thẩm quyền.

Công ty TNHH T1 H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 13.388.078 (mười ba triệu ba trăm tám mươi tám ngàn không trăm bảy mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0015626 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND TP. HCM
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm

